TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **113/2018**/QĐST-HNGĐ

Phú Quốc, ngày 25 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2018/TLST- HNGĐ ngày ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ánh N, sinh năm 1989**

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Phạm S, sinh năm 1983**

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Phú Quốc, Kiên Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ánh N và anh Nguyễn Phạm S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh S và chị N thống nhất giao 02 người con chung là cháu Nguyễn Phạm Linh Đ, sinh ngày 29/4/2011 và cháu Nguyễn Phạm Phương A, sinh ngày 16/11/2014 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích chung của các con, anh S và chị N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh S cam kết quá trình chung sống chị N và anh Skhông nợ ai và không ai nợ hai vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Án phí hòa giải thuận tình ly hôn là 150.000 đồng, chị N và anh S mỗi người phải chịu 75.000đồng. Chị N tự nguyện nộp án phí thay cho anh S. Chị N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 0003041 ngày 02/4/2018 nay được khấu trừ tiền án phí, chị N còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Kim Thoa